

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THẠCH THÀNH  
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14 - 8 - 2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Cúc

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lưu Đình Tâm

2. Bà Ngô Thị Cần

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Hiền - Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 33/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Lại Thị Ng; sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn Q, xã T, huyện T, Thanh Hoá.

- *Bị đơn:* Anh Quách Minh N; sinh năm: 1995

Địa chỉ: Thôn H, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá.

Tại phiên tòa vắng mặt chị Ng và anh N. Chị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt;

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2020 và bản tự khai ngày 08/5/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án, chị Lại Thị Ng trình bày: Chị và anh Quách Minh N kết hôn tự nguyện, đăng ký ngày 20/3/2018 tại UBND xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá. Sau ngày cưới, cuộc sống vợ chồng hoà thuận được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, luôn bất đồng quan điểm. Vợ, chồng đã sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay, không ai quan tâm ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn,

mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh N.

Về con cái: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Quách Lại Minh K, sinh ngày 25/9/2018. Ly hôn, chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K. Chị Ng yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*).

Về tài sản: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Quách Minh N nhưng anh N không có ý kiến gì. Tòa án cũng đã triệu tập anh N hai lần để nộp bản tự khai nhưng anh N đều vắng mặt nên không có lời khai của anh N trong hồ sơ vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Tòa án đã xác định đúng quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của các đương sự trong vụ án. Từ giai đoạn thụ lý vụ án cho đến khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án cũng như các thành viên của Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Sau đây viết tắt là BLTTDS). Bị đơn không thực hiện các quy định của BLTTDS. Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình để xử cho chị Lại Thị Ng được ly hôn anh Quách Minh N; Về con cái: Giao con chung là cháu Quách Lại Minh K, sinh ngày 25/9/2018 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh Quách Minh N cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Ng mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8 năm 2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi. Về tài sản chung: chị Ng không yêu cầu nên miễn xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình có con chưa thành niên và trong quá trình giải quyết vụ án, do các bên đương sự chưa thống nhất được các vấn đề tranh chấp trong vụ án nên Tòa án đã tiến hành xác minh để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp theo khoản 3 Điều 208 BLTTDS và đã thông báo kết quả thu thập tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự cũng như Viện kiểm sát được biết.

[2]. Cũng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng anh N không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh N theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

[3]. Anh N đã được triệu tập tập hợp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[4]. Tại phiên tòa, chị Ng vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, anh N đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 238 BLTTDS, Tòa án xét xử vắng mặt chị Ng và anh N.

[5]. Về hôn nhân: Chị Lại Thị Ng và anh Quách Minh N kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 20/3/2018 tại UBND T, huyện T, tỉnh Thanh Hoá và không vi phạm các điều cấm Luật hôn nhân và gia đình, như vậy là hôn nhân hợp pháp và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 28 BLTTDS. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hòa hợp, không cùng chung quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi cọ và xúc phạm lẫn nhau. Vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai quan tâm đến ai. Việc này đã được các cấp chính quyền xã T xác nhận và cũng phù hợp với nội dung mà Tòa án tiến hành xác minh tại địa phương. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Lại Thị Ng được ly hôn anh Quách Minh N.

[6]. Về con cái: Chị Lại Thị Ng và anh Quách Minh N có một con chung. Ly hôn, chị Ng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu K và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu K đang ở với chị Ng, chị Ng hiện tại có công việc và thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Xét hoàn cảnh thực tế, hiện tại cháu K còn nhỏ (chưa tròn hai tuổi), nên rất cần bàn tay chăm sóc của người mẹ, để đảm bảo khả năng phát triển bình thường, điều kiện học tập, tránh sự xáo trộn trong cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của chị Ng, giao cháu Quách Lại Minh K cho chị Ng được trực tiếp nuôi dưỡng, anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*) nhằm đảm bảo quyền lợi cho con trẻ là cần thiết và để anh N được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung là phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh và các quy định của pháp luật.

[7]. Về tài sản: Chị Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[8]. Về án phí: Chị Ng phải chịu án phí sơ thẩm về việc ly hôn, anh N phải chịu án phí về việc cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Xử cho chị Lại Thị Ng được ly hôn anh Quách Minh N.

Về con cái: Giao cháu Quách Lại Minh K, sinh ngày 25/9/2018 cho chị Ng trực tiếp nuôi dưỡng. Anh N cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000đ (*Một triệu đồng*), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 8/2020 cho đến khi cháu K đủ 18 tuổi.

Khoản tiền cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay, mặc dù bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Anh N có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Kể từ khi chị Ng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh N còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357; Khoản 2 Điều 468 BLDS trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về án phí: Chị Lại Thị Ng phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2018/0002714 ngày 05/5/2020. Chị Ng đã nộp đủ án phí. Anh N phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm, vắng mặt chị Ng và anh N. Anh N và chị Ng có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thạch Thành;
- UBND xã T;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Cúc**